

Số: /STP-XDKTTHPL&PBGDPL
V/v báo cáo kết quả tổng hợp đề nghị xây dựng
Nghị quyết của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình
năm 2024

Tuyên Quang, ngày tháng 09 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Văn bản số 4545/UBND-NC ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh về việc đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình năm 2024, căn cứ đề xuất của các cơ quan, đơn vị, Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo kết quả đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình năm 2024, như sau:

1. Kết quả đề nghị xây dựng Nghị quyết của các cơ quan, đơn vị

Tính đến hết ngày 22/09/2023, Sở Tư pháp đã nhận được văn bản đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình năm 2024 của **17/22** cơ quan, đơn vị, với **17** đề nghị xây dựng nghị quyết (*gồm 14 Nghị quyết cá biệt; 03 Nghị quyết quy phạm pháp luật*) trong đó:

- Cơ quan, đơn vị đề nghị xây dựng Nghị quyết cá biệt: **03** đơn vị/**14** đề nghị xây dựng nghị quyết;

- Cơ quan, đơn vị đề nghị xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật: **03** đơn vị/**03** đề nghị xây dựng nghị quyết;

- Cơ quan, đơn vị không đề nghị xây dựng Nghị quyết: **10** cơ quan, đơn vị;

- Còn **09/22** cơ quan, đơn vị không có văn bản đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình năm 2024.

(*Có biểu tổng hợp kết quả đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình năm 2024 gửi kèm theo*)

2. Kết quả tham gia ý kiến đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết của các cơ quan, đơn vị

Căn cứ đề nghị xây dựng Nghị quyết của các cơ quan, đơn vị, Sở Tư pháp đã nghiên cứu tham gia ý kiến đối với từng đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó:

- Nhất trí với **14/14** đề nghị xây dựng Nghị quyết cá biệt;

- Nhất trí với **03/03** đề nghị xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật.

(Chi tiết tại Biểu tổng hợp kết quả kiểm tra đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình năm 2024 gửi kèm theo)

3. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết, Sở Tư pháp đã lập Danh mục đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình năm 2024 *(có Danh mục gửi kèm theo)*.

Sở Tư pháp trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT,XDKTTHPL&PBGDPL.KXThành.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ

TT	Cơ quan, đơn vị	Đề nghị xây dựng Nghị quyết cá biệt	Đề nghị xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật				Không đề nghị xây dựng Nghị quyết	Không có văn bản đề nghị xây dựng Nghị quyết
			Nghị quyết ban hành mới	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung	Nghị quyết thay thế	Nghị quyết bãi bỏ		
1	Công an tỉnh							X
2	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh							X
3	Sở Thông tin và Truyền thông					X		
4	Sở Nội vụ	4						
5	Sở Giáo dục và Đào tạo		1					
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch					X		
7	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội							X
8	Sở Xây dựng					X		
9	Sở Tài chính	2						
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		1					
11	Sở Giao thông vận tải					X		
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8						
13	Sở Tài nguyên và Môi trường							X
14	Sở Tư pháp		1					
15	Sở Ngoại vụ					X		
16	Sở Y tế							X
17	Sở Khoa học và Công nghệ					X		
18	Sở Công thương					X		
19	Văn phòng UBND tỉnh							X
20	Ban Dân tộc							X
21	Thanh tra tỉnh							X
22	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh							X
	Tổng cộng	14	03	0	0	0	7	9

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG
NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH DO UBND TỈNH TRÌNH NĂM 2024**

A. NGHỊ QUYẾT CÁ BIỆT

TT	Tên gọi của văn bản	Căn cứ và sự cần thiết ban hành văn bản	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành	Ý kiến của Sở Tư pháp
					Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh		
I	SỞ NỘI VỤ (Văn bản số 1110/SNV-VP ngày 18/09/2023)							
1	Nghị quyết phê duyệt số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên theo Nghị định số 111/2022NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ năm học 2024 - 2025	- Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ; - Căn cứ thực tiễn năm 2023, ngành Y tế không có nhu cầu hợp đồng lao động; đến năm 2024 chỉ còn 01 đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.	Sở Nội vụ	Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND huyện, thành phố	Tháng 5/2024	Tháng 06/2024	Tháng 7/2024	Nhất trí
2	Nghị quyết giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Tuyên Quang năm 2025	Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/06/2020 của Chính phủ	Sở Nội vụ	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị; UBND huyện, thành phố	Tháng 10/2024 (sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền)	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024	Nhất trí

TT	Tên gọi của văn bản	Căn cứ và sự cần thiết ban hành văn bản	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành	Ý kiến của Sở Tư pháp
					Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh		
3	Nghị quyết phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội của tỉnh Tuyên Quang năm 2025	Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ	Sở Nội vụ	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị; UBND huyện, thành phố	Tháng 10/2024 (sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền)	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024	Nhất trí
4	Nghị quyết về giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2024	<p>Khoản 4 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn...”</p> <p>Khoản 5 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định số lượng cụ thể người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở từng đơn vị hành chính cấp xã và bố trí số lượng người hoạt động không chuyên</p>	Sở Nội vụ	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Tháng 10/2024	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024	Nhất trí

TT	Tên gọi của văn bản	Căn cứ và sự cần thiết ban hành văn bản	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành	Ý kiến của Sở Tư pháp
					Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh		
		<i>trách ở cấp xã thuộc phạm vi quản lý...</i>						
II	SỞ TÀI CHÍNH (Văn bản số 2384/STC-QLNS ngày 17/9/2023)							
5	Nghị quyết về quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2025	Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Tháng 11/2024	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024	Nhất trí
6	Nghị quyết về phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2023	Theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Tháng 11/2024	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024	Nhất trí
III	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (Văn bản số 1959/SKH-THKHQH ngày 20/9/2023)							
7	Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2025	Căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND huyện, thành phố	Tháng 11/2024	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024	Nhất trí
8	Nghị quyết về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc	Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ban Dân tộc, các cơ quan, đơn vị liên quan	Tháng 12/2024	Tháng 12/2024	Tháng 12/2024	Nhất trí

TT	Tên gọi của văn bản	Căn cứ và sự cần thiết ban hành văn bản	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành	Ý kiến của Sở Tư pháp
					Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh		
	thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang năm 2025	số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia						
9	Nghị quyết về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang năm 2025	Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan, đơn vị liên quan	Tháng 12/2024	Tháng 12/2024	Tháng 12/2024	Nhất trí
10	Nghị quyết về phân bổ bổ sung vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng	Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND huyện, TP;	Tháng 6/2024	Tháng 7/2024	Tháng 7/2024	Nhất trí

TT	Tên gọi của văn bản	Căn cứ và sự cần thiết ban hành văn bản	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành	Ý kiến của Sở Tư pháp
					Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh		
	nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang năm 2024	ngày 24/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		các cơ quan, đơn vị liên quan				
11	Nghị quyết về phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang năm 2025	Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND huyện, TP; các cơ quan, đơn vị liên quan	Tháng 11/2024	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024	Nhất trí
12	Nghị quyết thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025	Căn cứ theo quy định tại Khoản 5, Điều 56, Luật Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố,	Trước ngày 25/7/2024	Trước ngày 25/7/2024	Trước ngày 25/7/2024	Nhất trí

TT	Tên gọi của văn bản	Căn cứ và sự cần thiết ban hành văn bản	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành	Ý kiến của Sở Tư pháp
					Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh		
				Chủ đầu tư xây dựng công trình, cơ quan, đơn vị có liên quan				
13	Nghị quyết kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025	Căn cứ theo quy định tại Khoản 2, Điều 63, Luật Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố, Chủ đầu tư xây dựng công trình, cơ quan, đơn vị có liên quan	Trước ngày 10/12/2024	Trước ngày 10/12/2024	Trước ngày 10/12/2024	Nhất trí
14	Nghị quyết cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030/	Căn cứ theo quy định tại Khoản 5, Điều 55, Luật Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố, Chủ đầu tư xây dựng công trình, cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý IV, năm 2024	Quý IV, năm 2024	Quý IV, năm 2024	Nhất trí

B. NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT

I. VĂN BẢN BAN HÀNH MỚI: 03 Nghị quyết

TT	Tên gọi của văn bản	Sự cần thiết ban hành văn bản	Những nội dung chính	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành	Ý kiến của Sở Tư pháp
							Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh		
I SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (Văn bản số 1400SGDDĐT-TTr ngày 20/9/2023)										
1	Nghị quyết Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học; quy định mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	- Điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: “6. Cơ chế thu và quản lý học phí, các khoản thu dịch vụ trong hoạt động giáo dục được quy định như sau: b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà	Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học; quy định mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa	1. Phạm vi điều chỉnh a) Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm học 2024 – 2025. b) Quy định tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm học 2024 – 2025. c) Quy định mức chi trả cho đối	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tư pháp; Sở Tài chính	Tháng 04/2024	Tháng 06/2024	Tháng 07/2024	Nhất trí, Nghị quyết có nội dung thuộc khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Đề nghị bổ sung thêm sự cần thiết ban hành là quy định tại Khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy

TT	Tên gọi của văn bản	Sự cần thiết ban hành văn bản	Những nội dung chính	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành	Ý kiến của Sở Tư pháp
							Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh		
	năm học 2024 - 2025	<i>trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;”</i>	bản tỉnh Tuyên Quang năm học 2024 - 2025	<p>tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm học 2024 – 2025</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>a) Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập.</p> <p>b) Trẻ em mầm non và học sinh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí học tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục.</p>						định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

TT	Tên gọi của văn bản	Sự cần thiết ban hành văn bản	Những nội dung chính	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành	Ý kiến của Sở Tư pháp
							Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh		
				c) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan						
II SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (Văn bản số 1992/SNN-TTr ngày 20/9/2023)										
1	Nghị quyết Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (đã được giao tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND tỉnh về kế hoạch xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh giai đoạn 2023 – 2026)	Thực hiện quy định tại Điều 5, Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính giao trách nhiệm UBND tỉnh: “Căn cứ nội dung chi duy tu, bảo dưỡng đê điều quy định tại Điều 4 của Thông tư số 68/2020/TT-BTC; thực trạng hệ thống đê điều do địa phương quản lý và khả năng kinh phí; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng	Quy định nội dung chi duy tu, bảo dưỡng đê điều; chi xử lý cấp bách sự cố đê điều	Phạm vi điều chỉnh: Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Giao thông Vận tải; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; UBND huyện Sơn Dương; UBND thành	Tháng 05/2024	Tháng 06/2024	Tháng 07/2024	Nhất trí, Nghị quyết có nội dung thuộc khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)

TT	Tên gọi của văn bản	Sự cần thiết ban hành văn bản	Những nội dung chính	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành	Ý kiến của Sở Tư pháp
							Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh		
		<i>nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố để điều chỉnh hệ thống đê điều do địa phương quản lý cho phù hợp, bảo đảm an toàn tuyến đê do địa phương quản lý”</i>				phó Tuyên Quang				
III SỞ TƯ PHÁP										
3	Nghị quyết quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; là một trong các nhiệm vụ phát triển tổ	Quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	- Phạm vi điều chỉnh: Quy định chính sách hỗ trợ, nội dung hỗ trợ đối với các Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. - Đối tượng áp dụng: Các Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tài chính; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 10/2024	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024	Nhất trí, Nghị quyết có nội dung thuộc khoản 2 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)

TT	Tên gọi của văn bản	Sự cần thiết ban hành văn bản	Những nội dung chính	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành	Ý kiến của Sở Tư pháp
							Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh		
		chức hành nghề công chứng, đội ngũ công chứng viên đã được đề ra tại tiểu mục 5 mục III phần thứ ba Đề án tăng cường quản lý Nhà nước trong hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2022 – 2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh)		thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.						

II. VĂN BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ: Không có

DANH MỤC ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH DO UBND TỈNH TRÌNH NĂM 2024

A. NGHỊ QUYẾT CÁ BIỆT: 14 Nghị quyết

TT	Tên gọi của văn bản	Căn cứ và sự cần thiết ban hành văn bản	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành
					Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh	
I	SỞ NỘI VỤ (Văn bản số 1110/SNV-VP ngày 18/09/2023)						
1	Nghị quyết phê duyệt số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên theo Nghị định số 111/2022NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ năm học 2024 - 2025	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ; - Căn cứ thực tiễn năm 2023, ngành Y tế không có nhu cầu hợp đồng lao động; đến năm 2024 chỉ còn 01 đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. 	Sở Nội vụ	Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND huyện, thành phố	Tháng 5/2024	Tháng 06/2024	Tháng 7/2024
2	Nghị quyết giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Tuyên Quang năm 2025	Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/06/2020 của Chính phủ	Sở Nội vụ	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị; UBND huyện, thành phố	Tháng 10/2024 (sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền)	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024
3	Nghị quyết phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội của tỉnh Tuyên Quang năm 2025	Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ	Sở Nội vụ	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị; UBND huyện, thành phố	Tháng 10/2024 (sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền)	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024

TT	Tên gọi của văn bản	Căn cứ và sự cần thiết ban hành văn bản	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành
					Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh	
4	Nghị quyết về giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2024	<p>Khoản 4 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn...”</p> <p>Khoản 5 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định số lượng cụ thể người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở từng đơn vị hành chính cấp xã và bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc phạm vi quản lý...”</p>	Sở Nội vụ	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Tháng 10/2024	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024
II	SỞ TÀI CHÍNH (Văn bản số 2384/STC-QLNS ngày 17/9/2023)						
5	Nghị quyết về quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2025	Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Tháng 11/2024	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024
6	Nghị quyết về phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2023	Theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Tháng 11/2024	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024

TT	Tên gọi của văn bản	Căn cứ và sự cần thiết ban hành văn bản	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành
					Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh	
III	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (Văn bản số 1959/SKH-THKHQH ngày 20/9/2023)						
7	Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2025	Căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND huyện, thành phố	Tháng 11/2024	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024
8	Nghị quyết về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang năm 2025	Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ban Dân tộc, các cơ quan, đơn vị liên quan	Tháng 12/2024	Tháng 12/2024	Tháng 12/2024
9	Nghị quyết về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang năm 2025	Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan, đơn vị liên quan	Tháng 12/2024	Tháng 12/2024	Tháng 12/2024

TT	Tên gọi của văn bản	Căn cứ và sự cần thiết ban hành văn bản	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành
					Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh	
10	Nghị quyết về phân bổ bổ sung vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang năm 2024	Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND huyện, TP; các cơ quan, đơn vị liên quan	Tháng 6/2024	Tháng 7/2024	Tháng 7/2024
11	Nghị quyết về phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang năm 2025	Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND huyện, TP; các cơ quan, đơn vị liên quan	Tháng 11/2024	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024
12	Nghị quyết thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025	Căn cứ theo quy định tại Khoản 5, Điều 56, Luật Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố, Chủ đầu tư	Trước ngày 25/7/2024	Trước ngày 25/7/2024	Trước ngày 25/7/2024

TT	Tên gọi của văn bản	Căn cứ và sự cần thiết ban hành văn bản	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành
					Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh	
				xây dựng công trình, cơ quan, đơn vị có liên quan			
13	Nghị quyết kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025	Căn cứ theo quy định tại Khoản 2, Điều 63, Luật Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố, Chủ đầu tư xây dựng công trình, cơ quan, đơn vị có liên quan	Trước ngày 10/12/2024	Trước ngày 10/12/2024	Trước ngày 10/12/2024
14	Nghị quyết cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030/	Căn cứ theo quy định tại Khoản 5, Điều 55, Luật Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố, Chủ đầu tư xây dựng công trình, cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý IV, năm 2024	Quý IV, năm 2024	Quý IV, năm 2024

B. NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT

I. VĂN BẢN BAN HÀNH MỚI: 03 Nghị quyết

TT	Tên gọi của văn bản	Sự cần thiết ban hành văn bản	Những nội dung chính	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành
							Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh	
I	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (Văn bản số 1400SGDDĐT-TTr ngày 20/9/2023)								
1	Nghị quyết Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiêu học; quy định mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm học 2024 - 2025	<p>- Điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: <i>“6. Cơ chế thu và quản lý học phí, các khoản thu dịch vụ trong hoạt động giáo dục được quy định như sau:</i></p> <p>b) <i>Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;”</i></p> <p>- Khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 9</p>	Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiêu học; quy định mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm học 2024 - 2025	<p>1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>a) Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm học 2024 – 2025.</p> <p>b) Quy định tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiêu học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm học 2024 – 2025.</p> <p>c) Quy định mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tư pháp; Sở Tài chính	Tháng 04/2024	Tháng 06/2024	Tháng 07/2024

TT	Tên gọi của văn bản	Sự cần thiết ban hành văn bản	Nội dung chính	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành
							Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh	
		Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo		địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm học 2024 – 2025 2. Đối tượng áp dụng a) Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập. b) Trẻ em mầm non và học sinh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí học tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục. c) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan					
II	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (Văn bản số 1992/SNN-TTr ngày 20/9/2023)								
	Nghị quyết Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh Tuyên	Thực hiện quy định tại Điều 5, Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính giao trách nhiệm	Quy định nội dung chi duy tu, bảo dưỡng đê điều; chi xử lý cấp bách sự cố đê điều	Phạm vi điều chỉnh: Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở	Tháng 05/2024	Tháng 06/2024	Tháng 07/2024

TT	Tên gọi của văn bản	Sự cần thiết ban hành văn bản	Nội dung chính	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành
							Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh	
	Quang (đã được giao tại Nghị quyết số 21/ NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND tỉnh về kế hoạch xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh giai đoạn 2023 – 2026)	UBND tỉnh: “Căn cứ nội dung chỉ duy tu, bảo dưỡng để điều quy định tại Điều 4 của Thông tư số 68/2020/TT-BTC; thực trạng hệ thống để điều do địa phương quản lý và khả năng kinh phí; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nội dung, nhiệm vụ chỉ duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố để điều hệ thống để điều do địa phương quản lý cho phù hợp, bảo đảm an toàn tuyến để do địa phương quản lý”		điều trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố để điều trên địa bàn tỉnh		Giao thông Vận tải; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; UBND huyện Sơn Dương; UBND thành phố Tuyên Quang			
III	SỞ TƯ PHÁP								
	Nghị quyết quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã	Theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; là	Quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã	- Phạm vi điều chỉnh: Quy định chính sách hỗ trợ, nội dung hỗ trợ đối với các Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có	Sở Tư pháp	Sở Tài chính; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 10/2024	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024

TT	Tên gọi của văn bản	Sự cần thiết ban hành văn bản	Những nội dung chính	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		HĐND tỉnh ban hành
							Trình UBND tỉnh	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh	
	hội khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	một trong các nhiệm vụ phát triển tổ chức hành nghề công chứng, đội ngũ công chứng viên đã được đề ra tại tiểu mục 5 mục III phần thứ ba Đề án tăng cường quản lý Nhà nước trong hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2022 – 2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh)	hội khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. - Đối tượng áp dụng: Các Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.					

II. VĂN BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ: Không có
